

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 03/2021/MBS/HĐQT-TTr ngày 19/3/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty – Công ty cổ phần chứng khoán MB)

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (“Luật Doanh nghiệp”);- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán (“Luật Chứng khoán”);- Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng (“Nghị định 71/2017/NĐ-CP”);- Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (“Thông tư 95/2017/TT-BTC”);- Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (“Thông tư 210/2012/TT-BTC”);- Thông tư 07/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (“Thông tư 07/2016/TT-BTC”);	<ul style="list-style-type: none">- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật Chứng khoán”);- Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155/2020/NĐ-CP”);- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;- Thông tư số 121/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (“Thông tư 121/2020/TT-BTC”);	<p>Các văn bản pháp luật mới ban hành có hiệu lực thay thế các văn bản pháp luật cũ.</p> <p>Tương tự, sửa đổi tương ứng tại Điều 1.1 Quy chế quản trị công ty</p>
2	Điều 3 về Nguyên tắc quản trị Công ty	<ol style="list-style-type: none">1. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý.2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát.3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.5. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.6. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.	<ol style="list-style-type: none">1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với MBS và cổ đông;3. Đảm bảo quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;4. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị MBS;	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 40 Luật Chứng khoán 2019</p>

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<p>5. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị MBS;</p> <p>6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của MBS; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;</p> <p>7. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị công ty.</p>	
3	Điều 5.5 về quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	Không quy định nội dung như bên cạnh	Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.	Bổ sung theo Khoản 2 Điều 272 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
4	Điều 6.1 về ĐHĐCĐ thường niên	ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn tối đa 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, <u>theo đề nghị của HĐQT, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u> ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	ĐHĐCĐ phải họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn tối đa 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, <u>HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết và báo cáo UBCK bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và sẽ thực hiện tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn 02 tháng tiếp theo.</u> ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa theo Điều 7.2 Thông tư 121/2020/TT-BTC
5	Điều 7.1 về Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>cho ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa theo Điều 145.1 Luật Doanh nghiệp
6	Điều 8.2 về Thông tin ghi trên Thẻ biểu quyết	Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử có ghi <u>số đăng ký, họ và tên cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã số của cổ đông, số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</u>	Trên thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử có ghi mã số của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.	Rút gọn để đảm bảo việc giữ bí mật thông tin nhà đầu tư
7	Điều 9.5 về Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ	<u>Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51%</u> tổng số phiếu biểu quyết hoặc thông qua đại diện của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 8 Quy chế này.	<u>Các nghị quyết về nội dung khác được ĐHĐCĐ thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 8 và Điều 11 Quy chế này.	Sửa đổi theo Điều 148.2 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
8	Điều 11.2 về Biên bản họp ĐHDCĐ	Không quy định nội dung như tại mục bên	Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Bổ sung theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp
9	Điều 12.3 về Thông tin tại Phiếu lấy ý kiến cổ đông	Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập/số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Sửa theo Điều 149.3.c Luật Doanh nghiệp
10	Điều 12.8 về Điều kiện thông qua nghị quyết cổ đông bằng văn bản	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành	Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	Sửa theo Điều 148.4 Luật Doanh nghiệp
11	Điều 13 về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<p>d) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>s) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;</p> <p>u) Đề xuất việc phát hành chào bán trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, trái phiếu kèm chứng quyền và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>v) Quyết định các điều kiện cụ thể đối với từng đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm trên cơ sở tuân theo phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>w) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>x) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người điều hành</p>	Không quy định các nội dung như tại mục bên	Bổ để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn triển khai hoạt động tại MBS

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành doanh nghiệp đó. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;</p> <p>z) Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty;</p> <p>aa) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>cc) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		
12	Điều 14 về Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty; - Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. - Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. - Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. - Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng giao dịch với bên liên quan. - Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty; - Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty. - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	Không quy định các nội dung như tại mục bên cạnh	Bỏ để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn triển khai hoạt động tại MBS
13	Điều 16.1 về Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	<p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán;</p>	<p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện:</p> <p>i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>j) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản</p>	Sửa đổi theo hướng loại bỏ những quy định không bắt buộc để thuận lợi hơn cho MBS trong

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<ul style="list-style-type: none"> c) Không phải là Giám đốc (TGD), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên HĐQT của trên 05 (năm) công ty khác; d) <u>Không từng là thành viên HĐQT hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;</u> e) <u>Thành viên HĐQT không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của TGD và người quản lý khác của Công ty;</u> f) Có tư cách đạo đức và phẩm chất chính trị tốt; g) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; h) Không đồng thời là Kiểm soát viên của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán; k) Không được đồng thời là Giám đốc (TGD), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên HĐQT của trên 05 (năm) công ty khác; l) Có tư cách đạo đức và phẩm chất chính trị tốt; m) Có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; n) Không đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty. o) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật. 	quá trình triển khai
14	Điều 17 về Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông	1. Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT và đôn phiếu bầu cho người họ đề cử.</u>	1. Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT và đôn phiếu bầu cho người họ đề cử.	Sửa đổi cho phù hợp Điều 155.5.a Luật Doanh nghiệp
15	Điều 19 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Quy chế này; b) <u>Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> c) Có đơn xin từ chức; d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành. 2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo nghị quyết của ĐHĐCĐ. 	<ul style="list-style-type: none"> 1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Thành viên đó gửi đơn xin từ chức và được chấp thuận; c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn hợp pháp chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi dân sự; d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không được sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; 	Sửa đổi theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều 8 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
			<ul style="list-style-type: none"> e) Các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế khác theo quyết định của ĐHĐCĐ; f) Không còn là người đại diện quản lý phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại Công ty; g) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Công ty khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; h) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên thành viên HĐQT; i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 	
16	Điều 23.2 về Thù lao của thành viên HĐQT	Tổng mức thù lao cho thành viên HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	Tổng mức thù lao cho thành viên HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày.	Sửa theo Điều 163.2.a Luật Doanh nghiệp
17	Điều 24.6 về Thông báo và chương trình họp của HĐQT	<p>Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên <u>HĐQT, Kiểm soát viên, TGD</u> ít nhất <u>05 (năm)</u> ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải <u>được làm bằng văn bản</u> tiếng Việt và phải xác định đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng <u>bưu điện</u>, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT, <u>TGD</u> và các <u>Kiểm soát viên</u> được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên ít nhất <u>03 (ba)</u> ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải xác định đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp <u>có thể</u> được gửi bằng <u>giấy mời</u>, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác theo quy định nội bộ của Công ty, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.</p>	Sửa theo Điều 157 Luật Doanh nghiệp
18	Điều 29.2 về Biên bản họp HĐQT	Trường hợp nghị quyết HĐQT đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung bắt buộc theo quy định của pháp luật thì biên bản đó có hiệu lực. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Sửa theo Điều 158 Luật Doanh nghiệp
19	Về Tên gọi	Ban Kiểm toán nội bộ	Phòng Kiểm toán nội bộ	Sửa đổi cho phù

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
	của bộ phận kiểm toán nội bộ			hợp cơ cấu tổ chức hiện tại của MBS
20	Điều 31.3 về Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> e) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; f) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty; g) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan. 	Bổ sung theo Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp
21	Điều 34 về Tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên	e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác;	6. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác;	Sửa theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp
		Không quy định	7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty của Công ty, công ty mẹ; người đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty	Bổ sung theo Điều 169.2 Luật Doanh nghiệp
		Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên	Không quy định	Bỏ do Luật Doanh nghiệp 2014 quy định điều kiện này đã hết hiệu lực
22	Điều 37 về Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Điều lệ Công ty; b) <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> c) Có đơn từ chức và được chấp thuận; d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật. 2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ 	<p>Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 34 Quy chế này; 2. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát; 3. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận; 4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng 	Sửa đổi theo Điều 174 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>công ty;</p> <p>c) Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;</p> <p>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>chuyên môn hợp pháp chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>5. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>6. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>7. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ;</p> <p>8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
23	Điều 44.1 về Tiêu chuẩn và điều kiện làm TGD	<p>Tổng Giám đốc không được là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ;</u></p>	<p>Tổng Giám đốc không được là <u>người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ</u></p>	Sửa theo Điều 162.5 Luật Doanh nghiệp
24	Điều 60 về Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD, người quản lý khác	<p>1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban TGD và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Người điều hành Công ty khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người điều hành Công ty khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và Người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định</p>	Sửa theo Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
		<p>cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>3. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>4. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân, tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, tổ chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, TGD, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá nếu được thông qua theo quy định tại Điều 68 của Điều lệ Công ty và trường hợp hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHCĐ thông qua.</p> <p>6. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người điều hành doanh nghiệp khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>7. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về</p>	<p>của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	

STT	Điều khoản	Quy chế nội bộ về QTCT hiện tại	Dự thảo Quy chế nội bộ về QTCT sửa đổi	Lý do sửa đổi
		công bố thông tin. 8. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.		

Ngoài ra còn một số nội dung sửa đổi khác để thống nhất các quy phạm cũng như các nội dung sửa đổi về câu chữ, đánh số. Chi tiết sửa đổi được thể hiện tại Dự thảo Quy chế quản trị công ty./.